TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26-10-2021
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 153/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc "ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/9/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết S, sinh năm 1994; HKTT: Xóm 4, xã Đ, phường H, thị xã N, tỉnh Bình Định.
- Bị đơn: Ông Nguyễn Thành P, sinh năm 1993; HKTT: Số 17, đường V, khu phố 6, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 12/3/2021, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn (bà S) trình bày:*

Bà S và ông P chung sống với nhau từ năm 2020, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương ngày 21/02/2020.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không còn tình cảm, không có hạnh phúc. Vì vậy, bà S làm đơn xin ly hôn với ông P.

- Con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà S không có ý kiến gì khác.

** Trong quá trình tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp, tống đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho ông Nguyễn Thanh P biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng ông P vẫn vắng mặt không có lý do*.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Tuyết S khởi kiện ông Nguyễn Thành P về việc ly hôn. Ông P có nơi cư trú tại khu phố 6, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông P được triệu hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn (bà S)

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà S và ông P chung sống với nhau từ năm 2020, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương ngày 21/02/2020. Do đó đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn hôn nhân: Bà S cho rằng bà và ông P thường bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không còn tình cảm, không có hạnh phúc. Bà S và ông P không chung sống với nhau từ tháng 02/2021 cho đến nay. Vì vậy, bà S làm đơn xin ly hôn với ông P. Trước yêu cầu xin ly hôn của bà S, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông P nhiều lần đến Tòa án để

hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông P vẫn không có mặt, điều này cho thấy ông P không còn muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, theo biên bản xác minh ngày 22/6/2021 thì nguyên nhân mâu thuẩn là do ông P có nhắn tin qua lại với người phụ nữ khác, tuy nhiên hiện nay đã hết nhưng ông P vẫn không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà S. Hiện tại bà S và ông P không còn chung sống với nhau. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Thế nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà S và ông P không đạt được những điều đó. Nên yêu cầu xin ly hôn của bà S là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà S khai không có nên không xem xét.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Bà S không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà S phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 9, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết S đối với ông Nguyễn Thành P về việc "ly hôn".

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết S được ly hôn với ông Nguyễn Thành P.

2. Về con chung: Không xem xét

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết S chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà S đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0045819 ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Thùy Linh